TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24/02/2023
V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lường Tiến Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Ngọc Phương.

2. Ông Lò Văn Quốc.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Tiến Dũng -Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Bích Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 24/02/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2022/TLST- HNGĐ ngày 23/11/2022 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXX-HNGĐ, ngày 07/02/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lò Thị T**; Địa chỉ: Bản N, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh **Cà Văn N;** Địa chỉ: Bản P, xã P, huyện Thuận Châu, tỉnh sơn La. Hiện đang chấp hành án tại đội 35, phân trại số 1, Trại giam Yên Hạ, Cục C10 - Bộ Công an đóng trên địa bàn xã Huy Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/11/2022 và lời khai bổ sung tại Toà án nhân dân huyện Thuận Châu. Nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Cà Văn N kết hôn với nhau từ ngày 24/3/2020 tại UBND xã Púng Tra, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La kết hôn do cả hai bên cùng tự nguyện, không bên nào bị cưỡng ép, lừa dối. Sau khi kết hôn chị và anh N chung sống hoà thuận hạnh phúc với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Nguyên nhân chính phát sinh mâu thuẫn là do anh N hay uống rượu, nghiện chất ma túy, bị bắt về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy bị Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xử phạt 16 tháng tù, hiện đang thi hành phạt tù tại trại giam Trại giam Yên Hạ, Cục C10 - Bộ Công an. Chị T nhận thấy cuộc hôn nhân này không còn hạnh phúc nên đã viết đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu giải quyết cho chị được ly hôn anh Cà Văn N.

- Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung : Trong thời gian chung sống anh, chị có 01 con chung: Cháu Cà Thị Uyển N, sinh ngày 18/01/2021. Nay ly hôn nguyện vọng của chị T là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo

dục cháu cho đến khi cháu trưởng thành. Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về tài sản riêng: Không có.

- Về nợ chung : Không có.

* Tại bản tự khai ngày 06/12/2022 anh Cà Văn N khai xác nhận:

- Về hôn nhân: Quá trình kết hôn giữa anh và chị Lò Thị T như lời khai của chị T là đúng. Hai vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến tháng 12 năm 2021 thì anh bị bắt về tội tàng trữ trái phép chất ma túy và hiện nay đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Yên Hạ, Cục C10 - Bộ Công an. Nay anh N xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống anh, chị có 01 con chung đúng như chị T khai. Nhất trí là để chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Cà Thị Uyển N cho đến khi cháu trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về tài sản riêng: Không có.

- Về nợ chung : Không có.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chị T không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng. Nguyên đơn chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán : Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến trước khi ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Thụ lý đúng thẩm quyền tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đầy đủ tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ đầy đủ đúng quy định. Đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, gửi kịp thời các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 97, Điều 195, Điều 196, Điều 198, Điều 203, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa : Tại phiên tòa đã thực hiện theo đúng quy định tại Điều 51, Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng :

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo

quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Lò Thị T : Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

Về sự vắng mặt của bị đơn anh Cà Văn N : Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng, do anh N đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Yên Hạ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đề nghị:

- *Về hôn nhân:* Xử cho chị Lò Thị T được ly hôn với anh Cà Văn N.

- *Về con chung:* Xử giao cháu Cà Thị Uyển N, sinh ngày 18/01/2021 cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Cà Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Cà Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- *Về án phí:* Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị T.

** Những yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm:* Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu giải quyết việc ly hôn của nguyên đơn chị Lò Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Thuận Châu nên Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Lò Thị T : Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

- Về sự vắng mặt của bị đơn anh Cà Văn N : Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng do anh N đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Yên Hạ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định

pháp luật.

[2]. Về hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Cà Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Púng Tra, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La kết hôn do cả hai bên cùng tự nguyện, không bên nào bị cưỡng ép, lừa dối đúng theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N là hợp pháp. Quá trình chung sống anh, chị đã phát sinh mâu thuẫn từ tháng 12 năm 2021. Nguyên nhân chính phát sinh mâu thuẫn là do anh N bị bắt về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy bị Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xử phạt 16 tháng tù, hiện đang thi hành phạt tù tại trại giam Trại giam Yên Hạ, Cục C10 - Bộ Công an. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh, chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh N và chị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh N, anh N nhất trí ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị T ly hôn với anh N.

[3]. Về con chung: Trong thời gian chung sống anh, chị có 01 con chung: Cháu Cà Thị Uyển N, sinh ngày 18/01/2021. Nay ly hôn nguyện vọng của chị T là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu. Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N nhất trí để chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu.

Hội đồng xét xử căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên, xem xét chị T có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con hàng ngày. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu cho đến khi cháu trưởng thành. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử xét thấy hiện anh N đang thi hành án phạt tù không thể có điều kiện chăm sóc con và anh nhất trí để chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là hợp tình, hợp lý để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu có những điều kiện cho sự phát triển về thể chất và tinh thần. Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ cần được chấp nhận, sau khi ly hôn anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó căn cứ Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4].Về tài sản chung: Không có.

[5]. Về tài sản riêng: Không có.

[6]. Về nợ chung : Không có.

[7]. Về án phí: Chị Lò Thị T là người dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị T.

[8]. Về quyền kháng cáo : Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị T được ly hôn với anh Cà Văn N.

2. Về con chung: Xử giao cháu Cà Thị Uyển N, sinh ngày 18/01/2021 cho chị Lò Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Cà Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị T.

5. Về quyền kháng cáo : Chị Lò Thị T, anh Cà Văn N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Thuận Châu(02 bản);
- Chi cục THADS huyện Thuận Châu;
- UBND xã P, huyện Thuận Châu;
- Các đương sự.
- Lưu án văn;
- Lưu:Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lường Tiến Hải